



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị		
	Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
	Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
	Ông Tạ Tuấn Quang	Thành viên
	Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
	Ông Andy Ho	Thành viên (đến ngày 12/8/2015)
	Ông Hans Christian Jacobsen	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Trần Tuấn Dương	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Thông tin về Công ty

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900189284 ngày 3 tháng 7 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức

Lợi nhuận thuần trước hợp nhất trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty là 1.790.949 triệu VND (2014: 1.188.534 triệu VND).

Ngày 13 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua: (i) phương án chi tiết trả cổ tức năm 2014 cho các cổ đông bằng tiền theo tỷ lệ 10% trên mệnh giá với số tiền là 488.625 triệu VND và 20% bằng cổ phiếu tương đương với 977.231 triệu VND và (ii) phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ thặng dư vốn cổ phần cho các cổ đông theo tỷ lệ 30% bằng cổ phiếu tương đương với 1.465.851 triệu VND. Phương án trả cổ tức và phát hành cổ phiếu này đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 và đã được thực hiện trong năm.

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Phê duyệt báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2016



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 16 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 6 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 13-02-034-2015-b



Đàm Xuân Tâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2016



Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		727.572.437.118	417.341.985.199
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	514.591.242.289	298.740.078.905
Tiền	111		4.841.242.289	15.112.023.349
Các khoản tương đương tiền	112		509.750.000.000	283.628.055.556
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		177.450.000.000	79.100.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.1	177.450.000.000	79.100.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.293.022.648	34.559.089.995
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		1.881.718.644	65.720.830
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.229.119.997	29.166.884.651
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7.1	25.600.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.582.184.007	5.326.484.514
Hàng tồn kho	140		500.379.018	523.432.038
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.737.793.163	4.419.384.261
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		193.279.152	382.759.007
Thuế phải thu Nhà nước	153	9	1.544.514.011	4.036.625.254

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		8.903.656.426.880	7.952.916.463.492
Các khoản phải thu dài hạn	210		272.004.000.000	190.504.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7.2	272.000.000.000	190.500.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		4.000.000	4.000.000
Tài sản cố định	220		48.485.035.169	49.149.989.454
Tài sản cố định hữu hình	221	10	19.609.625.364	19.960.556.125
Nguyên giá	222		50.017.001.242	45.036.294.159
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.407.375.878)	(25.075.738.034)
Tài sản cố định vô hình	227	11	28.875.409.805	29.189.433.329
Nguyên giá	228		31.110.496.640	31.110.496.640
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.235.086.835)	(1.921.063.311)
Bất động sản đầu tư	230	12	240.923.131.255	222.056.574.478
Nguyên giá	231		291.858.675.266	259.227.056.200
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(50.935.544.011)	(37.170.481.722)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	3.323.839.159
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	-	3.323.839.159
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6.2	8.336.643.654.496	7.485.452.203.801
Đầu tư vào công ty con	251		8.534.660.542.633	7.590.768.437.533
Đầu tư vào công ty liên kết	252		5.730.000.000	5.730.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		700.000.000	700.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(204.446.888.137)	(111.746.233.732)
Tài sản dài hạn khác	260		5.600.605.960	2.429.856.600
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	5.600.605.960	2.429.856.600
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		9.631.228.863.998	8.370.258.448.691

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		210.778.630.594	129.219.019.165
Nợ ngắn hạn	310		210.778.630.594	129.219.019.165
Phải trả người bán ngắn hạn	311		998.098.414	4.008.594.878
Thuế phải nộp Nhà nước	313		27.162.332	49.546.584
Phải trả người lao động	314		868.719.500	1.066.786.500
Phải trả ngắn hạn khác	319		2.464.378.865	1.613.115.400
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	15	206.420.271.483	122.480.975.803
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		9.420.450.233.404	8.241.039.429.526
Vốn chủ sở hữu	410	16	9.420.450.233.404	8.241.039.429.526
Vốn cổ phần	411	17	7.329.514.190.000	4.819.081.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.329.514.190.000	4.819.081.750.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	16	674.149.437.068	2.207.350.817.068
Cổ phiếu quỹ	415	16	(638.500.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	16	300.416.193.231	210.868.755.750
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	16	1.117.008.913.105	1.003.738.106.708
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		(546.592.403.704)	(48.294.258.421)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.663.601.316.809	1.052.032.365.129
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		9.631.228.863.998	8.370.258.448.691

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Đinh Phương Loan
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lý Thị Ngạn
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	21	26.162.521.000	29.442.756.667
Giá vốn hàng bán	11		12.961.352.808	12.961.352.808
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		13.201.168.192	16.481.403.859
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.906.513.504.388	1.306.874.480.387
<i>Trong đó: lợi nhuận công ty con chuyển về</i>			<i>1.877.250.000.300</i>	<i>1.280.391.606.669</i>
Chi phí tài chính	22	23	93.123.311.622	112.170.423.177
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>			<i>422.657.217</i>	<i>424.189.445</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	39.529.449.153	31.855.489.405
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		1.787.061.911.805	1.179.329.971.664
Thu nhập khác	31	25	6.958.601.854	17.087.860.027
Chi phí khác	32		579.648.126	1.814.692.743
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		6.378.953.728	15.273.167.284
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.793.440.865.533	1.194.603.138.948
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	2.492.111.243	6.068.773.819
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		1.790.948.754.290	1.188.534.365.129

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Đinh Phương Loan
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lý Thị Ngân
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.793.440.865.533	1.194.603.138.948
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		19.918.291.293	19.171.390.357
Các khoản dự phòng	03		92.700.654.405	111.746.233.732
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.761.250)	(256.016)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.906.552.652.229)	(1.309.686.525.983)
Chi phí lãi vay	06		422.657.217	424.189.445
(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(71.945.031)	16.258.170.483
Biến động các khoản phải thu	09		(1.710.914.922)	(24.078.182.406)
Biến động hàng tồn kho	10		23.053.020	(32.218.266)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(1.040.081.912)	2.274.264.023
Biến động chi phí trả trước	12		(3.048.264.814)	1.070.899.011
			(5.848.153.659)	(4.507.067.155)
Tiền lãi vay đã trả	14		(422.657.217)	(1.481.300.556)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(38.790.368.776)	(40.885.779.002)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(45.061.179.652)	(46.874.146.713)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(8.843.362.930)	(16.298.238.722)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		40.909.091	2.927.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(693.500.000.000)	(435.700.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		488.050.000.000	166.100.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(943.892.105.100)	(130.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	1.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và lợi nhuận từ các công ty con	27		1.907.646.364.725	1.425.356.210.166
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		749.501.805.786	1.013.884.971.444

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		438.833.157.039	162.850.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(438.833.157.039)	(262.850.000.000)
Tiền trả cổ tức	36		(488.591.224.000)	(628.561.197.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(488.591.224.000)	(728.561.197.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		215.849.402.134	238.449.627.231
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5	298.740.078.905	60.290.195.658
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.761.250	256.016
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	514.591.242.289	298.740.078.905

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Đinh Phương Loan
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lý Thị Ngân
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

1.2 Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là cho thuê văn phòng và đầu tư tài chính.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

1.4 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 16 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2015: 13 công ty con và 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 6.2.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 77 nhân viên (1/1/2015: 85 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

2.1 Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

2.2 Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày trong thuyết minh về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 4.1).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

4.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

4.3 Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(b) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4.5 Tài sản cố định hữu hình

(a) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 3 – 7 năm
- máy móc và thiết bị 3 – 10 năm
- phương tiện vận chuyển 6 – 10 năm

4.6 Tài sản cố định vô hình

(a) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(b) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 6 năm.

4.7 Bất động sản đầu tư cho thuê

(a) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 năm

4.8 Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

4.9 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ và dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng, các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 4 năm.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).

4.10 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

4.11 Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

4.12 Vốn cổ phần

(a) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(b) Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ

Khi thu lại cổ phiếu thưởng cho nhân viên đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của số cổ phiếu này được ghi tăng vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã thu lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động

Theo chính sách của Công ty, giá trị cổ phiếu thưởng phát hành cho người lao động từ thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo mệnh giá và không được ghi là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

4.13 Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(a) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(b) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh cho các báo cáo tài chính riêng và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4.14 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

4.15 Doanh thu và thu nhập khác

(a) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(b) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian, dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

4.16 Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

4.17 Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***4.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung.

Các bên liên quan có thể là các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, các nhân viên quản lý chủ chốt của Công ty, các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan và các công ty con và liên kết của Công ty và của các nhân này.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	152.060.239	239.028.617
Tiền gửi ngân hàng	4.689.182.050	14.872.994.732
Các khoản tương đương tiền	509.750.000.000	283.628.055.556
	514.591.242.289	298.740.078.905

6. Các khoản đầu tư tài chính**6.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn			Đã phân loại lại	Đã phân loại lại
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	177.450.000.000	177.450.000.000	79.100.000.000	79.100.000.000

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 7 tháng, được hưởng lãi suất dao động từ 5% đến 5,8% (2014: 5,3% đến 5,7%) một năm tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào:	31/12/2015				1/1/2015					
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty con										
• Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát	99,72%	99,72%	179.500.000.000	-	-	99,72%	99,72%	179.500.000.000	-	-
• Công ty CP Ngòi thốt Hòa Phát	99,60%	99,60%	398.400.000.000	-	-	99,60%	99,60%	398.400.000.000	-	-
• Công ty TNHH Ông thép Hòa Phát	99,91%	99,91%	549.500.000.000	-	-	99,91%	99,91%	549.500.000.000	-	-
• Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	99,67%	99,67%	149.500.000.000	-	-	99,67%	99,67%	149.500.000.000	-	-
• Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	99,67%	99,67%	299.000.000.000	-	-	99,67%	99,67%	299.000.000.000	-	-
• Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	99,83%	99,83%	299.500.000.000	-	-	99,00%	99,00%	49.500.000.000	-	-
• Công ty CP Thép Hòa Phát	92,00%	92,00%	2.331.937.200.000	-	-	92,00%	92,00%	2.331.937.200.000	-	-
• Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	99,96%	99,96%	845.030.800.000	(204.446.888.137)	-	99,96%	99,96%	845.030.800.000	(111.746.233.732)	-
• Công ty CP Golden Gain Việt Nam	99,94%	99,94%	960.539.226.533	-	-	84,95%	84,95%	729.910.437.533	-	-
• Công ty CP Năng lượng Hòa Phát	99,89%	99,89%	1.238.350.000.000	-	-	99,89%	99,89%	1.238.350.000.000	-	-
• Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa Phát	100,00%	100,00%	600.000.000.000	-	-	100%	100%	600.000.000.000	-	-
• Công ty CP Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát (trước đây là "Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát") (i)	99,80%	99,80%	190.140.000.000	-	-	99,80%	99,80%	190.140.000.000	-	-
• Công ty TNHH MTV Khoáng sản Nam Giang	100,00%	100,00%	30.000.000.000	-	-	100%	100%	30.000.000.000	-	-
• Công ty TNHH MTV Thực ăn Chăn nuôi Hòa Phát Đông Nai (ii)	100,00%	100,00%	64.843.316.100	-	-	-	-	-	-	-
• Công ty TNHH MTV Thương mại và Sản xuất Thúc ăn Chăn nuôi Hòa Phát (ii)	100,00%	100,00%	300.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-
• Công ty TNHH Khoáng sản Hòa Phát Mitraco (iii)	98,42%	98,42%	98.420.000.000	-	-	-	-	-	-	-
Công ty liên kết										
• Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát SSG	38%	38%	5.730.000.000	-	-	38%	38%	5.730.000.000	-	-
Đơn vị khác										
• Công ty CP Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội	7%	7%	700.000.000	-	-	7%	7%	700.000.000	-	-
			8.541.090.542.633	(204.446.888.137)	(*)			7.597.198.437.533	(111.746.233.732)	(*)

Các công ty con, công ty liên kết và đơn vị khác được thành lập tại Việt Nam.

(i) Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 11 số 0900272334 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 6 tháng 7 năm 2015, Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát được đổi tên thành Công ty CP Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát.

(ii) Đây là các công ty con mới thành lập trong năm.

(iii) Đây là một công ty con cấp 2 được chuyển giao lại cho Công ty mẹ trong năm từ Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát.

(*) Thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn được trình bày tại Thuyết minh 28.5(b)(*).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu về cho vay

7.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty CP Nội thất Hòa Phát	25.600.000.000	-

Đây là khoản cho vay bằng VND, không được đảm bảo, cấp cho công ty con của Công ty. Trong năm, khoản cho vay này hưởng lãi suất cố định là 5% một năm.

7.2 Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	267.000.000.000	137.500.000.000
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	5.000.000.000	53.000.000.000
	272.000.000.000	190.500.000.000

Đây là khoản cho vay bằng VND, không được đảm bảo, cấp cho các công ty con của Công ty. Trong năm, khoản cho vay này hưởng lãi suất cố định là từ 0,5% đến 5% một năm.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Tiền lãi dự thu	3.334.378.730	4.638.660.039
Phải thu khác	247.805.277	687.824.475
	3.582.184.007	5.326.484.514

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2015 VND	Bù trừ với số thuế phải nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại/khấu trừ			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.025.256.080	(2.492.111.243)	1.533.144.837
Thuế giá trị gia tăng	11.369.174	-	11.369.174
	4.036.625.254	(2.492.111.243)	1.544.514.011

10. Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	16.219.173.982	1.447.945.455	27.369.174.722	45.036.294.159
Tăng trong năm	1.373.530.637	3.013.685.900	1.101.058.182	5.488.274.719
Thanh lý	-	-	(507.567.636)	(507.567.636)
Số dư cuối năm	17.592.704.619	4.461.631.355	27.962.665.268	50.017.001.242
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	10.087.458.753	629.417.065	14.358.862.216	25.075.738.034
Khấu hao trong năm	2.386.015.818	506.213.873	2.946.975.789	5.839.205.480
Thanh lý	-	-	(507.567.636)	(507.567.636)
Số dư cuối năm	12.473.474.571	1.135.630.938	16.798.270.369	30.407.375.878
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	6.131.715.229	818.528.390	13.010.312.506	19.960.556.125
Số dư cuối năm	5.119.230.048	3.326.000.417	11.164.394.899	19.609.625.364

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản với nguyên giá 10.392 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 10.278 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	28.755.408.500	2.355.088.140	31.110.496.640
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	1.921.063.311	1.921.063.311
Khấu hao trong năm	-	314.023.524	314.023.524
Số dư cuối năm	-	2.235.086.835	2.235.086.835
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	28.755.408.500	434.024.829	29.189.433.329
Số dư cuối năm	28.755.408.500	120.001.305	28.875.409.805

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản với nguyên giá 1.040 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: Không).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	259.227.056.200
Tăng trong năm	27.387.644.188
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.243.974.878
	<hr/>
Số dư cuối năm	291.858.675.266
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	37.170.481.722
Khấu hao trong năm	13.765.062.289
	<hr/>
Số dư cuối năm	50.935.544.011
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	222.056.574.478
Số dư cuối năm	240.923.131.255
	<hr/> <hr/>

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà văn phòng tại số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội và tòa nhà văn phòng tại 643-645 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày báo cáo, Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý cho loại bất động sản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2015	2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	3.323.839.159	2.420.170.098
Tăng trong năm	2.042.620.265	4.430.812.722
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(3.089.915.476)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(5.243.974.878)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(122.484.546)	(437.228.185)
	-	3.323.839.159
Số dư cuối năm	-	3.323.839.159

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.071.557.233	1.249.397.852	108.901.515	2.429.856.600
Tăng trong năm	3.538.924.757	3.801.428.505	1.902.036.366	9.242.389.628
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	122.484.546	122.484.546
Phân bổ trong năm	(2.022.069.690)	(2.531.132.553)	(1.640.922.571)	(6.194.124.814)
	2.588.412.300	2.519.693.804	492.499.856	5.600.605.960
Số dư cuối năm	2.588.412.300	2.519.693.804	492.499.856	5.600.605.960

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	122.480.975.803	26.747.630.640
Trích lập trong năm (Thuyết minh 16)	122.812.875.412	136.569.124.165
Sử dụng trong năm	(38.873.579.732)	(40.835.779.002)
	206.420.271.483	122.480.975.803
Số dư cuối năm	206.420.271.483	122.480.975.803

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	4.190.525.330.000	2.207.350.817.068	-	151.441.755.750	-	1.268.385.085.244	7.817.702.988.062
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.188.534.365.129	1.188.534.365.129
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	628.556.420.000	-	-	-	-	(628.556.420.000)	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	(628.578.799.500)	(628.578.799.500)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(136.569.124.165)	(136.569.124.165)
Trích bổ sung quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	59.427.000.000	-	(59.427.000.000)	-
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(50.000.000)	(50.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	4.819.081.750.000	2.207.350.817.068	-	210.868.755.750	-	1.003.738.106.708	8.241.039.429.526
<i>Phân loại lại (Thuyết minh 31)</i>	-	-	-	(210.868.755.750)	210.868.755.750	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	4.819.081.750.000	2.207.350.817.068	-	-	210.868.755.750	1.003.738.106.708	8.241.039.429.526
- đã phân loại lại	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	1.465.851.380.000	(1.465.851.380.000)	-	-	-	1.790.948.754.290	1.790.948.754.290
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	67.350.000.000	(67.350.000.000)	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động (Thuyết minh 18)	977.231.060.000	-	-	-	-	(977.231.060.000)	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	(488.625.075.000)	(488.625.075.000)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	-	-
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	-	-	(638.500.000)	-	-	638.500.000	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(122.812.875.412)	(122.812.875.412)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	89.547.437.481	(89.547.437.481)	-
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.329.514.190.000	674.149.437.068	(638.500.000)	-	300.416.193.231	1.117.008.913.105	9.420.450.233.404

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	732.951.419	7.329.514.190.000	481.908.175	4.819.081.750.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	732.951.419	7.329.514.190.000	481.908.175	4.819.081.750.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(63.850)	(638.500.000)	-	-
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	732.887.569	7.328.875.690.000	481.908.175	4.819.081.750.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động của số cổ phiếu đang lưu hành trong năm như sau:

	2015		2014	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm	481.908.175	4.819.081.750.000	419.052.533	4.190.525.330.000
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	146.585.138	1.465.851.380.000	-	-
Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động	6.735.000	67.350.000.000	-	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	97.723.106	977.231.060.000	62.855.642	628.556.420.000
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	(63.850)	(638.500.000)	-	-
Số dư cuối năm	732.887.569	7.328.875.690.000	481.908.175	4.819.081.750.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động

Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ.2014 ngày 28 tháng 8 năm 2014 là 67.350 triệu VND theo mệnh giá, tương đương với 6.735.000 cổ phiếu. Các cổ phiếu thưởng này đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết trên thị trường từ ngày 25 tháng 2 năm 2015. Tại ngày phát hành, số cổ phiếu này có giá trị thị trường tương đương với 325.974 triệu VND. Giá trị cổ phiếu phát hành tính theo mệnh giá không được ghi nhận là chi phí mà được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

19. Cổ tức

Ngày 13 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua phương án chi tiết trả cổ tức năm 2014 cho các cổ đông bằng tiền theo tỷ lệ 10% trên mệnh giá với số tiền 488.625 triệu VND và 20% bằng cổ phiếu tương đương với 977.231 triệu VND. Phương án trả cổ tức này đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 và đã được trả trong năm.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

20.1 Ngoại tệ các loại

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.844	41.398.700	1.890	40.454.379
EUR	104	2.536.435	104	2.746.207
		43.935.135		43.200.586

20.2 Cam kết góp vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có cam kết góp vốn sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát SSG	5.670.000.000	5.670.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20.3 Cam kết hợp đồng thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	525.262.374	684.547.600
Trong vòng hai đến năm năm	2.626.311.870	3.422.736.000
Sau năm năm	12.868.917.658	16.771.405.600
	<hr/>	<hr/>
	16.020.491.902	20.878.689.200
	<hr/>	<hr/>

21. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị cho thuê tài sản không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	29.261.742.838	26.482.617.702
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con	1.877.250.000.300	1.280.391.606.669
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.761.250	256.016
	<hr/>	<hr/>
	1.906.513.504.388	1.306.874.480.387
	<hr/>	<hr/>

23. Chi phí tài chính

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	422.657.217	424.189.445
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	92.700.654.405	111.746.233.732
	<hr/>	<hr/>
	93.123.311.622	112.170.423.177
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lương nhân viên	9.740.779.259	8.792.365.123
Phân bổ chi phí sửa chữa văn phòng, công cụ và dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác	6.194.124.815	3.167.410.322
Chi phí khấu hao	6.377.305.071	4.543.630.651
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.632.047.679	1.697.430.739
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	15.585.192.329	13.654.652.570
	39.529.449.153	31.855.489.405

25. Thu nhập khác

	2015 VND	2014 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	40.909.091	2.927.000.000
Thu từ phí bảo lãnh	-	7.500.000.000
Thu nhập từ cho thuê xe	2.096.640.000	2.318.640.000
Thu nhập khác	4.821.052.763	4.342.220.027
	6.958.601.854	17.087.860.027

26. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân công	9.740.779.259	8.792.365.123
Chi phí khấu hao	19.918.291.293	19.171.390.357
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.637.943.431	5.079.288.929
Chi phí khác	14.773.421.392	11.776.135.141

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Thuế thu nhập

27.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành		
Năm hiện hành	2.492.111.243	6.067.163.273
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	-	1.610.546
	<hr/>	<hr/>
	2.492.111.243	6.068.773.819

27.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.793.440.865.533	1.194.603.138.948
	<hr/>	<hr/>
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(1.761.250)	(256.016)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	92.700.654.405	111.746.233.732
Chi phí không được khấu trừ	2.438.019.989	1.620.504.883
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con sau thuế TNDN	(1.877.250.000.300)	(1.280.391.606.669)
	<hr/>	<hr/>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.327.778.377	27.578.014.878
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.492.111.243	6.067.163.273
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	-	1.610.546
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.492.111.243	6.068.773.819

27.3 Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2015 và 2014 và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

28. Các công cụ tài chính

28.1 Quản lý rủi ro tài chính

(a) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(b) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

28.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản cho vay các công ty con và các hợp đồng bảo lãnh đã phát hành.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng***

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND
Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(a)	691.889	377.601
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(b)	5.468	5.396
Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn	(c)	297.600	190.500
Hợp đồng bảo lãnh đã phát hành	(d)	-	1.800.000
		<hr/>	<hr/>
		994.957	2.373.497

(a) *Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(b) *Phải thu khách hàng và phải thu khác*

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng.

Không có khoản phải thu nào đã quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: Không).

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Ban Giám đốc tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày báo cáo.

(c) *Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn*

Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty là các khoản cho vay các công ty con. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản cho vay này và không cho rằng các công ty này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(d) *Hợp đồng bảo lãnh đã phát hành*

Công ty có chính sách chỉ bảo lãnh tài chính cho các công ty con.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong 1 năm Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	3.462	3.462	3.462
Ngày 1 tháng 1 năm 2015			
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	5.622	5.622	5.622

28.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(a) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chỉ có tài sản tiền tệ là 1.844 USD và 104 EUR (1/1/2015: 1.890 USD và 104 EUR) tiền mặt bằng ngoại tệ. Do đó, sự thay đổi của tỷ giá hối đoái không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động của Công ty.

(b) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính hưởng lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 Triệu VND	1/1/2015 Triệu VND
Các công cụ tài chính chịu hưởng lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	984.800	553.228

Do đó, biến động lãi suất không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28.5 Giá trị hợp lý****(a) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán riêng, như sau:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	177.450	177.450	79.100	79.100
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	514.591	514.591	298.740	298.740
- Phải thu khách hàng và phải thu ngắn và dài hạn khác	5.468	5.468	5.396	5.396
- Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn	297.600	(*)	190.500	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	8.336.644	(*)	7.485.452	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	(3.462)	(3.462)	(5.622)	(5.622)
	9.328.291		8.053.566	

(b) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu ngắn và dài hạn khác, phải thu về cho vay ngắn và dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và nợ phải trả tài chính ngắn hạn phi phái sinh

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu ngắn và dài hạn khác, phải thu về cho vay ngắn và dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và nợ phải trả tài chính ngắn hạn phi phái sinh xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát		
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	67.542.366.859	16.916.547.623
Công ty CP Nội thất Hòa Phát		
Các khoản cho vay	25.600.000.000	86.400.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	86.400.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	217.434.828.490	65.468.524.055
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát		
Các khoản cho vay	258.600.000.000	25.471.665.857
Nhận thanh toán gốc cho vay	258.600.000.000	25.471.665.857
Các khoản đi vay	-	89.850.000.000
Thanh toán gốc đi vay	-	89.850.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	399.525.833.415	247.128.334.143
Góp vốn	-	100.000.000.000
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát		
Các khoản cho vay	38.000.000.000	53.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	10.110.486.930	23.473.710.501
Nhận thanh toán gốc cho vay	86.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát		
Các khoản đi vay	-	15.000.000.000
Thanh toán gốc đi vay	-	15.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	18.320.073.082	13.418.047.842
Góp vốn	250.000.000.000	-
Công ty CP Thép Hòa Phát		
Các khoản cho vay	359.100.000.000	12.700.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	359.100.000.000	12.700.000.000
Thanh toán gốc đi vay	-	100.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	275.994.000.000
Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông		
Các khoản cho vay	256.000.000.000	147.500.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	126.500.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát		
Các khoản đi vay	-	32.500.000.000
Thanh toán gốc đi vay	-	32.500.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	218.541.372.219	246.467.442.505

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	2015	2014
	VND	VND
Công ty CP Golden Gain Việt Nam		
Các khoản đi vay	-	25.500.000.000
Thanh toán gốc đi vay	-	25.500.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	280.347.600.000	148.843.000.000
Nhận chuyển nhượng cổ phần từ cổ đông thiểu số	230.628.789.000	-
Công ty CP Năng lượng Hoà Phát		
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	560.527.439.305	239.758.000.000
Phí bảo lãnh nhận được	-	1.500.000.000
Công ty CP Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát (trước đây là “Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát”)		
Các khoản cho vay	-	60.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	60.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	2.924.000.000
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát		
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	104.900.000.000	-
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Nam Giang		
Góp vốn	-	30.000.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại và Sản xuất Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát		
Góp vốn	300.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai		
Góp vốn	64.843.316.100	-
Công ty TNHH Khoáng sản Hòa Phát Mitraco		
Góp vốn	98.420.000.000	-
Thành viên Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Lương và thưởng	1.435.090.774	1.453.312.875
Thù lao	1.432.000.000	1.602.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2015	2014
	VND	VND
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	977.231.060.000	628.556.420.000
Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động	67.350.000.000	-
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	1.465.851.380.000	-

31. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán

	1/1/2015	1/1/2015
	(phân loại lại)	(theo báo cáo
	VND	trước đây)
		VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	79.100.000.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	-	79.100.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	5.326.484.514	5.099.928.949
Tài sản ngắn hạn khác	-	226.555.565
Phải thu dài hạn khác	4.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	-	4.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	190.500.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	700.000.000	191.200.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	-	210.868.755.750
Quỹ đầu tư phát triển	210.868.755.750	-

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Đinh Phương Loan

Đinh Phương Loan
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lý Thị Ngân

Lý Thị Ngân
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc